

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 22/2022/DS-ST
Ngày 19 tháng 4 năm 2022

*“V/v thực hiện nghĩa vụ
tài sản do người chết để lại”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Míp Niê và ông Phan Ngọc Đài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk không tham gia phiên tòa

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2021/TLST-.DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam.

Địa chỉ: Số nhà 35, đường H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Cao T; Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch (Có mặt).

Nơi làm việc: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam, Chi nhánh B, Đắk Lắk - Phòng giao dịch K.

Địa chỉ: Số nhà 105, đường N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Theo văn bản ủy quyền số 1043A/BIDV.BH ngày 22 tháng 6 năm 2021.

Bị đơn: Ông Phạm Hoàng T, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn T, bà Lê Thị L (Đều đã chết)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện

theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12 tháng 8 năm 2015, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam (BIDV/Ngân hàng) cho bà Lê Thị L, ông Phạm Văn T (Ông T, bà L) vay 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay 12,9%/năm và được điều chỉnh khi có sự thay đổi lãi suất cho vay của BIDV; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; Hình thức vay có bảo đảm bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà L đã trả cho Ngân hàng 102.150.000đ tiền gốc và 84.395.833đ tiền lãi. Tính đến ngày 19 tháng 4 năm 2022, ông T, bà L còn nợ Ngân hàng (BIDV) số tiền 990.138.566đ (Gốc: 447.850.000đ; lãi trong hạn: 361.682.746đ; Lãi quá hạn: 146.262.207đ, lãi suất chậm trả: 34.343.613đ).

Mặc dù đã quá hạn trả nợ và ông T, bà L đã chết, ông Phạm Hoàng T là người thừa kế duy nhất nên Ngân hàng đã yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại nhưng ông T không thực hiện (thanh toán), do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T trả số tiền tạm tính đến ngày 19 tháng 4 năm 2022 là 990.138.566đ (Gốc: 447.850.000đ; lãi suất trong hạn: 361.682.746đ; Lãi quá hạn: 146.262.207đ, lãi suất chậm trả: 34.343.613đ) và yêu cầu trả lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/1507490/HĐTD ngày 12 tháng 8 năm 2015, kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2022 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông T trả xong nợ, thì Ngân hàng (BIDV) đồng ý trả cho T toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng số 01/2015/1507490/HĐBĐ ngày 12 tháng 8 năm 2015. Trường hợp ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1507490/HĐTD ngày 12 tháng 8 năm 2015 thể hiện: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam cho bà Lê Thị L vay số tiền 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng). Lãi suất: 12,9%/năm và được điều chỉnh khi có sự thay đổi lãi suất của BIDV; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn vay: 36 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/1507490/HĐBĐ ngày 12 tháng 8 năm 2015 có nội dung: Ông Phạm Văn T, bà Lê Thị L thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của các thửa đất: Thửa đất số 110, tờ bản đồ 37, diện tích 1.844,0m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 784.914 ngày 30 tháng 12 năm 2010 của UBND huyện K và Thửa đất số 163 + 164 + 165, tờ bản đồ 38, diện tích 13.830,0m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 848762 ngày 04 tháng 9 năm 2007 của UBND huyện K.

Tại Giấy ủy quyền ngày 12 tháng 8 năm 2015, ông Phạm Hoàng T và ông Phạm Văn T ủy quyền cho bà Lê Thị L dùng tài sản (Thửa đất số 110 + 163 + 164 + 165) để thế chấp vay vốn Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Do ông T, bà L là người vay tài sản của Ngân hàng nhưng đã chết và có để lại

tài sản. Ông T là người thừa kế nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền thay. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*” được quy định tại khoản 14 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 615 của Bộ luật dân sự.

+ Ngân hàng làm đơn khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Ông T có hộ khẩu thường trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35, 39 và khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Mặc dù Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng không hòa giải được. Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1507490/HĐTD ngày 12 tháng 8 năm 2015 có nội dung: Ngân hàng (BIDV) cho bà Lê Thị L vay 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng). Lãi suất: 12,9%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thời hạn vay: 36 tháng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thừa nhận ông T, bà L đã trả cho Ngân hàng được 102.150.000đ tiền gốc và 84.395.833đ tiền lãi. Còn ông T không hợp tác nên không ghi được ý kiến. Ngoài ra không có tài liệu nào chứng minh ông T, bà L đã trả xong nợ. Đại diện Ngân hàng xác định tính đến ngày 19 tháng 4 năm 2022, ông T, bà L còn nợ Ngân hàng 990.138.566đ (Gốc: 447.850.000đ; lãi suất trong hạn: 361.682.746đ; Lãi quá hạn: 146.262.207đ, lãi suất chậm trả: 34.343.613đ). Xét thấy khoản vay của ông T, bà L đã quá hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng và theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, do đó Ngân hàng khởi kiện là đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông T, bà L đã chết, có để lại tài sản và tài sản đang thế chấp. Ông T là con ruột của ông T, bà L cho nên ông T là người phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết (Ông T, bà L) để lại trong phạm vi di sản của ông T, bà L để lại theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông T trả 990.138.566đ (Trong phạm vi tài sản ông T, bà L để lại).

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp là của hộ ông T, bà L. Ông T và ông T đã ủy quyền cho bà L ký hợp đồng thế chấp và xét thấy việc thế chấp đã thực hiện theo đúng quy định, vì vậy trong trường hợp ông T thanh toán xong nợ, thì Ngân hàng phải trả lại cho T tài sản thế chấp. Trường hợp ông T vi phạm nghĩa vụ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận và ông Phạm Hoàng T không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí, vì vậy ông Phạm Hoàng T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch với số tiền 41.704.156đ (Làm tròn 41.704.000đ), được tính như sau:

(800.000.000đ có mức thu 36.000.000đ; 190.138.566đ có mức thu là 190.138.566đ x 3% = 5.704.156.).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều: 385; 398; 463, 466, 468 và Điều 615 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam, buộc ông Phạm Hoàng T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam số tiền tính đến ngày 19 tháng 4 năm 2022 là 990.138.566đ (Gốc: 447.850.000đ; lãi suất trong hạn: 361.682.746đ; Lãi quá hạn: 146.262.207đ, lãi suất chậm trả: 34.343.613đ), nhưng trong phạm vi tài sản (Di sản) ông T, bà L để lại.

Tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1507490/HĐTD ngày 12 tháng 8 năm 2015, kể từ ngày 19 tháng 4 năm 2022 đến khi ông T trả xong nợ (Nhưng trong phạm vi tài sản/Di sản ông T, bà L để lại).

Trường hợp ông T trả xong nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam phải trả lại cho ông T tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/1507490/HĐBĐ ngày 12 tháng 8 năm 2015.

Trường hợp ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/1507490/HĐBĐ ngày 12 tháng 8 năm 2015 để thu hồi nợ.

2. Về án phí:

+ Ông Phạm Hoàng T phải nộp 41.704.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần đ và p Việt Nam số tiền 12.835.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/ 0003032 ngày 13 tháng 10 năm 2021.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Krông Năng;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG